



**Eco Import**

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC THÚ Y ECO**  
**ĐC: Số 17 phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội**  
**Tel/Fax: 043 8 680 382.**

# **VỊNH ĐẰNG TRONG CHẶN NƯỚC**

**Người thuyết trình: Vũ Thị Mai Hương**  
**0974.880.284/ 0917.903.913**

# VIUSID®



# VIUSID



VIUSID DÙNG TRONG NHÂN Y: Dùng cho các bệnh nhân: Viêm gan A, B, C, hỗ trợ bệnh nhân ung thư và HIV

# SẢN XUẤT THEO CƠ CHẾ HOẠT HÓA PHÂN TỬ

- Phương pháp này đã được phát hiện cách đây 40 năm tại trung tâm C.S.I.C.<sup>1</sup>
- Hoạt động theo cơ chế tích nạp điện trường và hóa học.
- Tăng công năng, tác dụng của từng đơn chất lên gấp hàng trăm lần.

<sup>1</sup> Centro Superior de Investigaciones Científicas

# HOẠT HÓA PHÂN TỬ

Lò phản ứng:  
hóa chất và điện trường



Công năng sinh học  
thông thường



Công năng sinh học đã  
hoạt hóa phân tử

**Chống oxy hóa**  
**Kháng virus**  
**Điều hòa miễn dịch**  
**Chống thiếu máu**  
**Xúc tác sinh học**





# TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KÍCH HOẠT PHÂN TỬ



11/01/17

ECO Import

# CÁC Lò PHẢN ỨNG KÍCH HOẠT PHÂN TỬ CỦA TỪNG ĐƠN CHẤT



# THÀNH PHẦN CỦA VIUSID

- Kháng virus

*Glycirrhizinic Acid  
Glucosamin, Malic Acid*

- Chống oxy hóa

*Malic Acid, Ascorbic Acid,  
Zinc, Arginine*

- Chống thiếu máu

*Folic Acid, Cyanocobalamin,  
Pyridoxin*

- Điều hòa  
miễn dịch

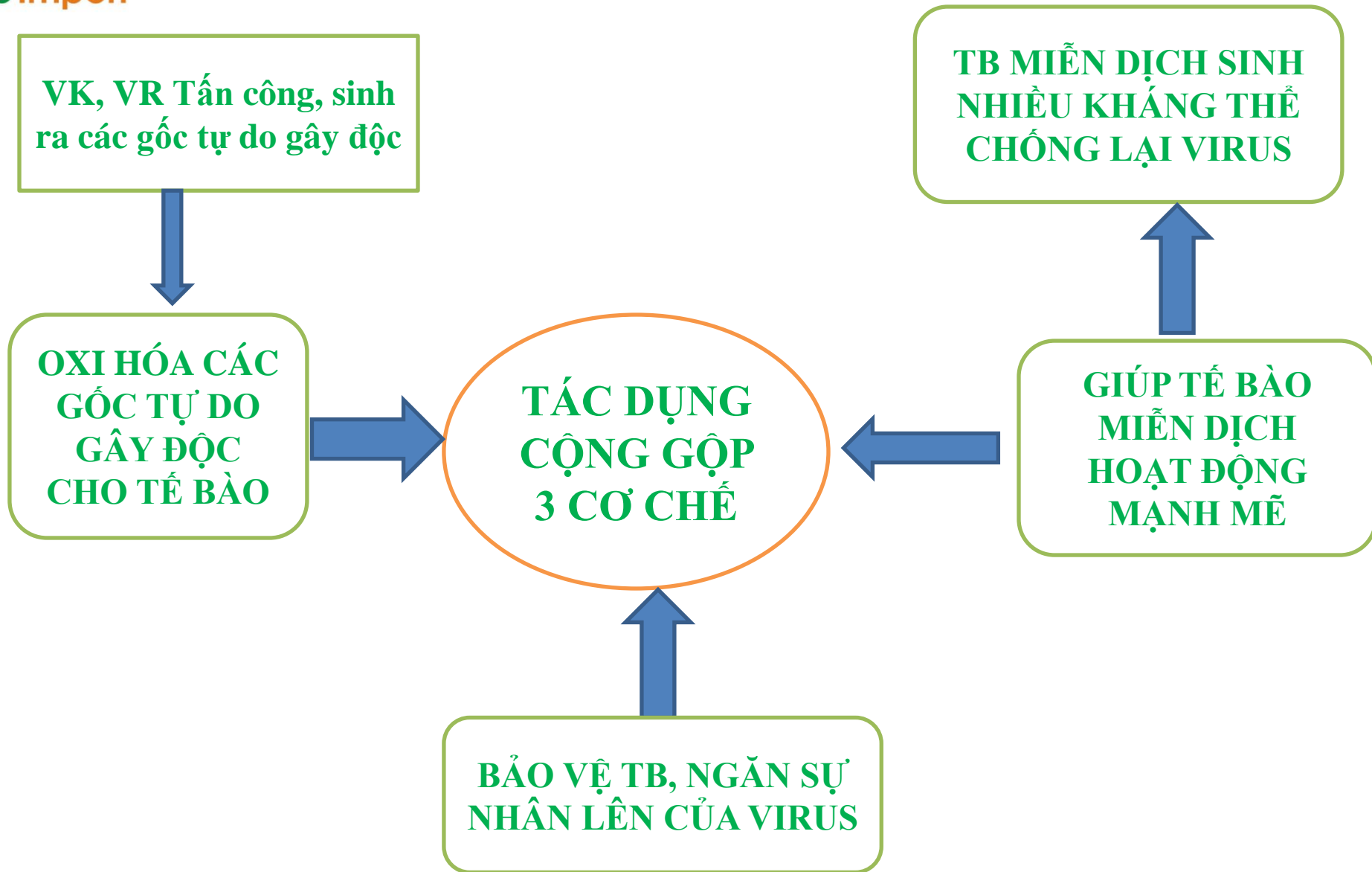
*Arginine, Glucosamin,  
Glycirrhizinic Acid,  
Zinc*

- Xúc tác sinh học

*Zinc, Calcium Pantothenate*



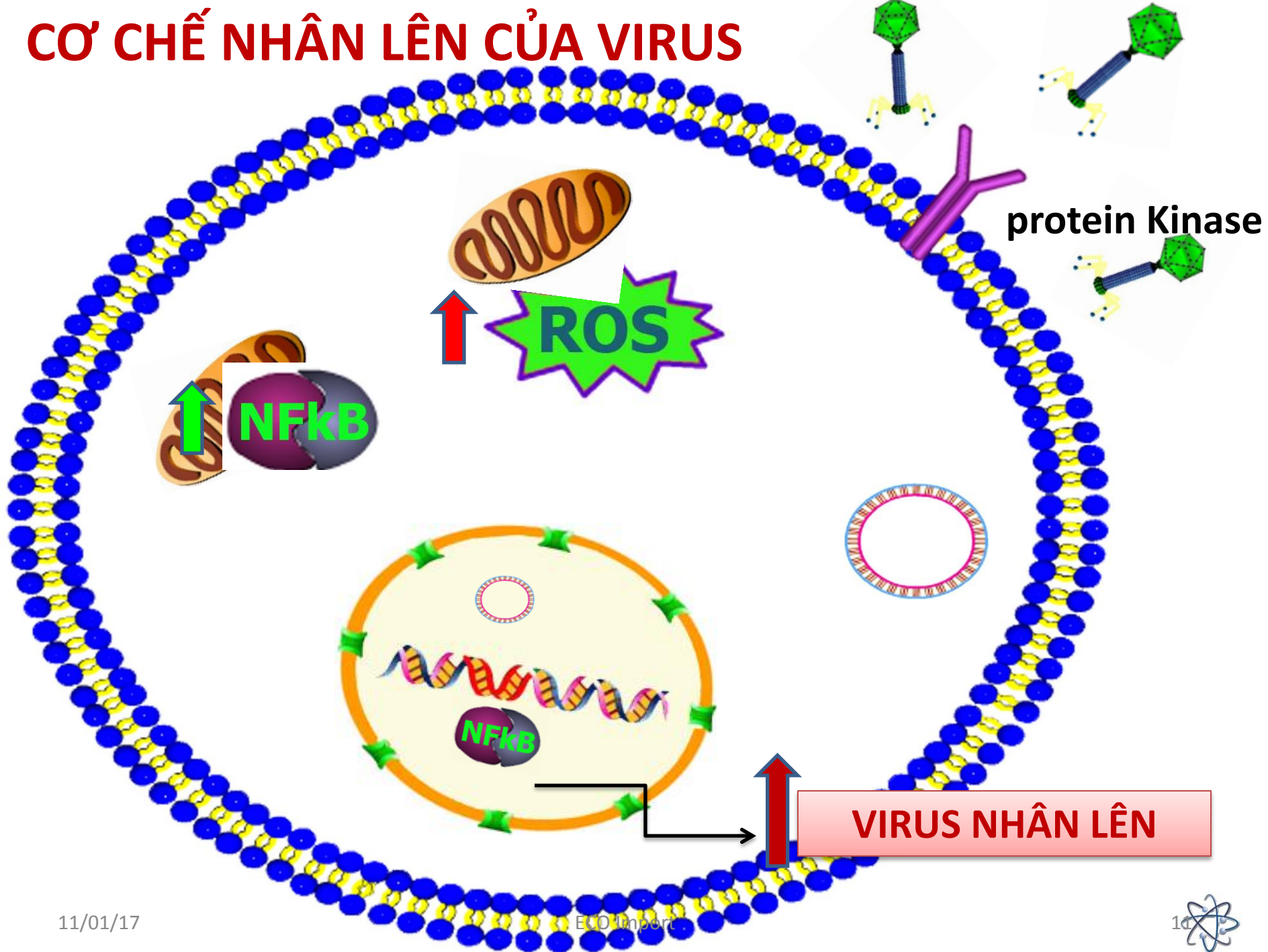
# Cơ chế tác dụng



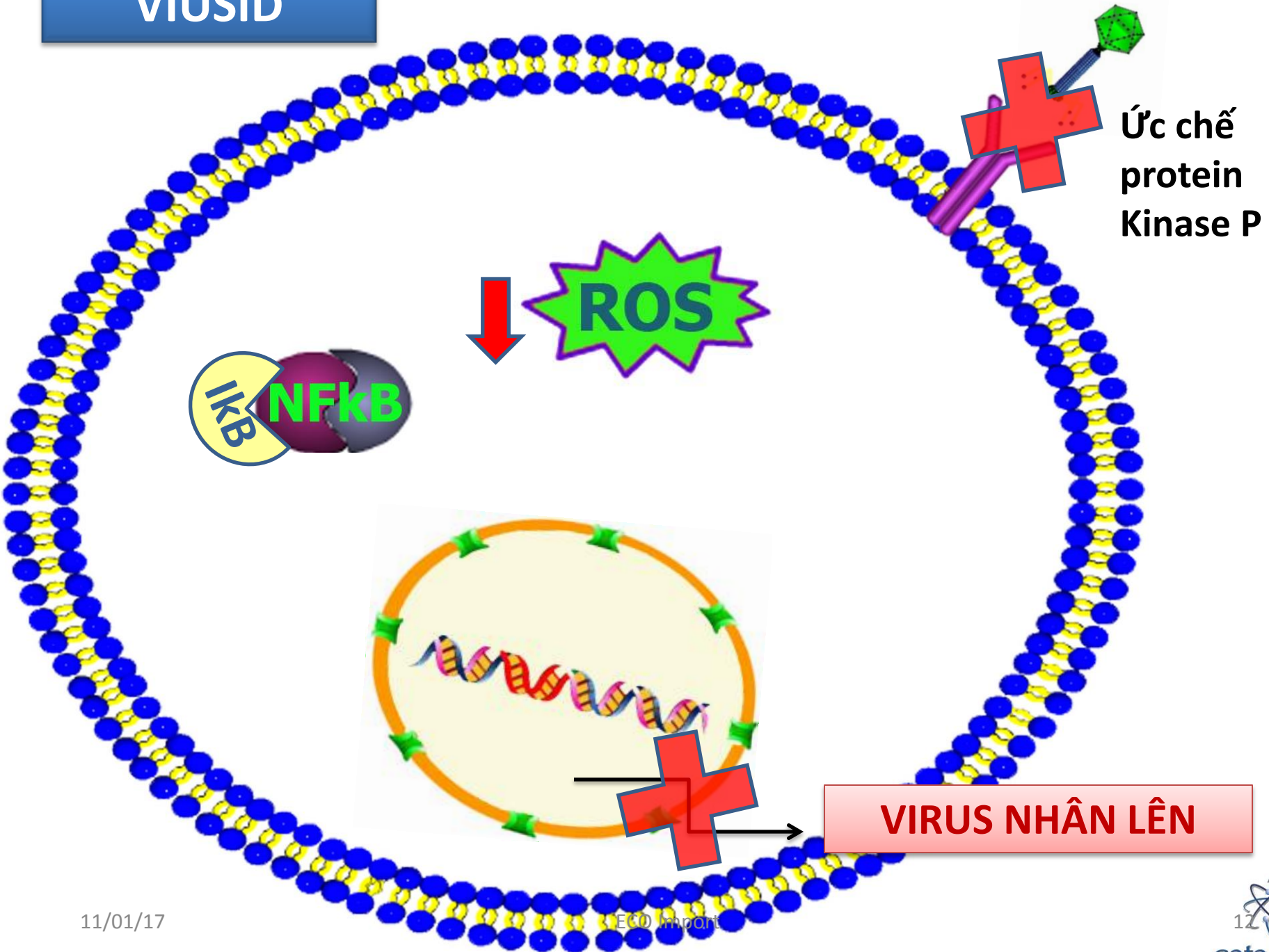


- **Kháng virus**
- **Tăng cường đáp ứng miễn dịch sau chủng ngừa vaccine.**
- **Thúc đẩy mạnh mẽ trao đổi chất và hấp thu, giúp tăng trọng nhanh và giảm tiêu tốn thức ăn.**
- **Giải độc gan, hỗ trợ điều trị viêm sưng gan cấp và mãn tính, hỗ trợ phục hồi chức năng gan.**
- **Ngăn ngừa sự thiếu máu, tăng cường chức năng tạo máu.**
- **Chống oxy hóa.**
- **Có tính kháng khuẩn**

# CƠ CHẾ NHẬN LÊN CỦA VIRUS



# VIUSID





# VIUSID TRÊN HEO

• Dùng nâng cao năng suất sinh sản, phát triển:

- **Heo nái:** 2 lít sản phẩm VIUSID/ 1 tấn thức ăn. Liệu trình sử dụng cho heo nái: dùng liên tục từ lúc nái mang thai 85 ngày (1 tháng trước khi sinh) đến khi cai sữa.

- **Heo cai sữa hay chuyển thịt:** 1 lít sản phẩm VIUSID/ 1 tấn thức ăn. Liệu trình: bổ sung 7-10 ngày vào mỗi giai đoạn cai sữa hay chuyển thịt.

## Glycyrrhizinic acid:

- Ngăn cản sự nhân lên của virus qua việc ức chế protein Kinase P

**Ohtsuki and Iahida:** Inhibitory effect of Glycyrrhizin on Polypeptide Phosphorylation by Polypeptide-dependent Protein Kinase (Kinase P) in vitro. *Biochem Biophys Res Commun.* 1988 Dec 15;157(2):597-604.

**KHÔNG** xảy ra hiện tượng đề kháng sau điều trị

# Cách dùng VIUSID

- **Heo nái:** dùng liên tục từ lúc nái mang thai 85 ngày (1 tháng trước khi sinh) đến khi cai sữa. Liều dùng: 2ml Viusid/ 1kg thức ăn
- **Lợn cai sữa hay chuyển thịt:** 1 lít sản phẩm VIUSID/ 1 tấn thức ăn. Liều trình: bổ sung 7-10 ngày vào mỗi giai đoạn cai sữa hay chuyển thịt.
- Bronchimas: Lợn trên 30kg: Dùng theo liều 2ml/con/ngày. Tuần 2 ngày. Dùng liên tục trong quá trình nuôi.
- Lợn từ cai sữa – 30kg: Pha 1ml/1 lít nước uống, dùng 8 tiếng/lần, tuần 3 lần



# Cách dùng VIUSID KHI CÓ BỆNH

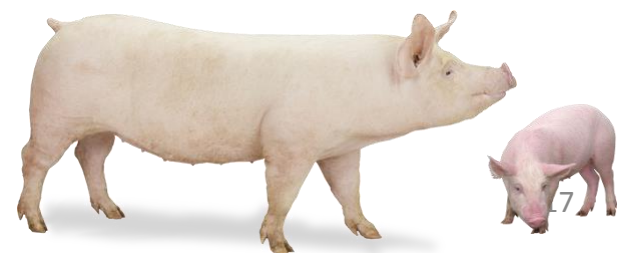
- Trong trường hợp bệnh PED , TGE (tiêu chảy cấp) xảy ra:
- Bổ sung 4 lít sản phẩm VIUSID/ 1 tấn thức ăn cho tất cả heo nái trong trại, trong 1 tháng; sau đó, theo liều trình bình thường trên nái mang thai 1 tháng trước khi sinh.
- Lợn con chưa cai sữa: Pha 5ml Viusid + 3 ml Zinaprim + 12 ml Đường Gluco
- Tiêm hoặc cho uống mỗi con 1ml/ lần, ngày 2 lần.





# Cách dùng VIUSID KHI CÓ BỆNH

- **Bệnh PRRS , Aujeszky xảy ra:**
- Bổ sung 4 lít sản phẩm VIUSID/ 1 tấn thức ăn cho tất cả heo nái trong trại, trong 1 tháng; sau đó, theo liều trình bình thường trên nái mang thai 1 tháng trước khi sinh.
- Lợn con chưa cai sữa: Pha 5ml Viusid + 5ml VTM B6
- Tiêm hoặc cho uống mỗi con 1ml/ lần, ngày 2 lần.
- Tiêm kháng sinh phòng kế phát:
- Naflor 40 hoặc Flocol, hoặc Mediflor, mỗi con 0,3 ml. Sau 2 ngày tiêm nhắc lại .



# Cách dùng VIUSID KHI CÓ BỆNH

- **Bệnh dịch tả lợn:**
- Trại mới dùng lại vaccine: chỉ cần bổ sung 2 lít sản phẩm VIUSID/ 1.000 lít nước cho toàn đàn.
- Nếu trại chưa dùng vaccine hoặc dùng quá thời hạn 1 tháng, ta phải tiêm ngay vaccine dịch tả tươi theo liều gấp đôi. Kết hợp dùng Vigopol chống stress cho đàn, từ ngày thứ 2 bổ sung 2 lít Viusid cho 1 lít nước uống cho toàn đàn.
- Tùy tình hình cụ thể của đàn lợn để ta dùng thuốc hạ sốt, điện giải bổ trợ và kháng sinh phòng kế phát hợp lý.



# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TRÊN LỢN



# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TRÊN HEO

## Bố trí thí nghiệm:

- Trại heo GIA PHÁT: 600 nái, ở Củ Chi, Tp.HCM
- Tổng số nái thí nghiệm là 58 nái đang mang thai (theo dõi 58 lứa đẻ), được chia làm 2 lô: VIUSID và đối chứng, mỗi lô theo dõi 29 lứa đẻ. Các nái được phân lô tương đối đồng đều về giống, tuổi, lứa đẻ và năng suất.



- Thời gian theo dõi thí nghiệm: 90 ngày, bắt đầu từ lúc nái mang thai được 85 ngày đến cai sữa, tiếp tục theo dõi heo con sau cai sữa đến chuyển thịt.
- Kiểu chuồng nuôi: lạnh.
- Nhiệt độ: 26-32°C
- Hệ thống máng ăn: thủ công.
- Hệ thống uống: núm tự động.
- Liều VIUSID thí nghiệm: 2 kg VIUSID/ tấn thức ăn.
- Liều trình cung cấp VIUSID: bắt đầu cấp cho nái mang thai 85 ngày tuổi (Khoảng 30 ngày trước khi sinh) đến khi cai sữa. Tổng thời gian cấp VIUSID khoảng 57-58 ngày.
- Lợn con sau sinh cho uống theo liều:
  - Tuần đầu: 0,2ml/con x ngày 3 lần
  - Tuần hai: 0,3ml/con x ngày 2 lần
  - Tuần ba: 0,4ml/con x ngày 1 lần

# Chỉ tiêu theo dõi

## 1. Ngoại hình trên heo con

## 2. Năng suất:

Số heo con sinh ra/ ổ

Tỉ lệ chết thai (tươi và khô)

Số heo con sinh ra còn sống/ ổ

Số heo con cai sữa/ ổ

Trọng lượng heo con cai sữa trung bình

Thời gian nái lên giống lại sau cai sữa

Tỉ lệ phối không đậu trên nái

- Tỉ lệ viêm vú, **viêm tử cung** trên nái

Trọng lượng heo chuyển thịt trung bình

Hệ số chuyển hóa thức ăn trên heo con đến thời điểm chuyển thịt

Tỉ lệ heo con có dấu hiệu bệnh hô hấp

Tỉ lệ heo con có dấu hiệu bệnh tiêu hóa

Tỉ lệ chết và loại thải

## 3. Hiệu giá kháng thể kháng bệnh Dịch tả heo và PRRS trên heo sau cai sữa

## 4. Hiệu quả kinh tế

**KẾT QUẢ:**

**1. Đánh giá ngoại hình trên heo con**

## VIUSID



## Đối chứng



**Heo con một ngày tuổi**



**VIUSID**

**Đối chứng**



**Heo con 14 ngày tuổi**





**Heo con 20 ngày tuổi**





**Heo 30 ngày tuổi đã cai sữa**





**Heo sau cai sữa 45 ngày tuổi**



Heo sau cai sữa 54 ngày tuổi



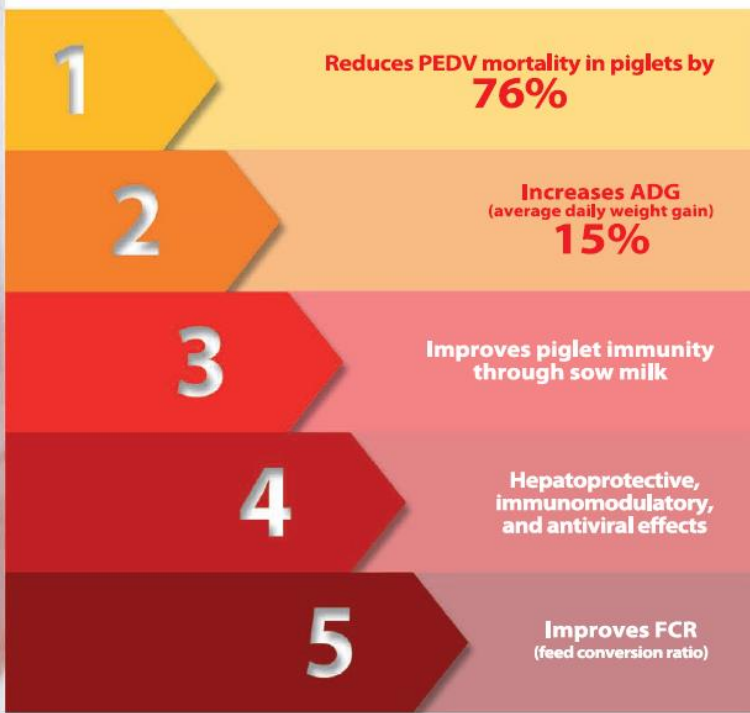


# VIUSID<sup>®</sup> vet

## DOSAGE

2 litres of VIUSID<sup>®</sup> vet Liquid per 1000 litres of drinking water or 2 kilos of VIUSID<sup>®</sup> vet Powder per ton of feed.

## 5 reasons to use VIUSID<sup>®</sup> vet in pigs



- Reduces mortality rate of piglets at birth.

## Increased productivity and better biosecurity in breeding pigs

Piglets stay healthy throughout the whole production process



- Strengthens the immune system. VIUSID<sup>®</sup> vet is particularly suitable as an adjuvant therapy in porcine epidemic diarrhea (PED), influenza, and chronic wasting diseases.

**VIUSID**



**Đối chứng**



**Heo chọi chuyển thịt**

•KẾT QUẢ:

**Đánh giá cảm quan bên ngoài của trại:**

- Lô VIUSID cho kết quả tốt hơn trên heo con theo mẹ, heo sau cai sữa và heo chuyển thịt.
- Heo con theo mẹ đến chuyển thịt của lô VIUSID có ít lông hơn và da bóng hồng hơn.
- Heo con theo mẹ đến chuyển thịt của lô VIUSID đồng đều hơn.

•2. Năng suất sinh sản và tăng trưởng

- Kết quả về năng suất sinh sản trên nái và tăng trưởng trên heo con của 2 lô VIUSID và đối chứng được thể hiện qua bảng tổng hợp sau:

Chỉ tiêu đánh giá	Lô	
	VIUSID	Đối chứng
Số heo con sơ sinh trung bình/ ổ	12,59 ± 2,64	11,93±2,94
Tỉ lệ thai chết khô và chết tươi (%)	9,3	9,0
Số heo con sơ sinh còn sống trung bình/ ổ	11,4 ± 2,84	10,9 ± 2,9
Số heo con cai sữa trung bình/ ổ	<b>10,66 ± 2,76</b>	<b>9,69 ± 2,8</b>
Trọng lượng trung bình của heo cai sữa (kg)	7,06 ± 0,67	7,02 ± 0,79
Tuổi cai sữa trung bình (ngày tuổi)	26,21 ± 2,46	26,59 ± 1,97
Trọng lượng trung bình trên heo chuyển thịt (kg)	16,0 ± 0,97	15,3 ± 1,63
FCR tính đến thời gian chuyển thịt	<b>1,60</b>	<b>1,72</b>
Tỉ lệ chết và loại thải tính đến thời gian chuyển thịt (%)	10,29	12,04
Sức khỏe trên heo con đến thời gian chuyển thịt:		
- Tỉ lệ tiêu chảy (%)	1,72	2,01
- Tỉ lệ hô hấp (%)	0	0
- Bệnh khác (%)	0	0
Sức khỏe trên heo nái:		
- Viêm vú (%)	0	0
- Viêm tử cung (%)	0	0
- Vấn đề khác (%)	0	0
Thời gian phối giống trung bình sau cai sữa (ngày)	6,7	6,7
Tỉ lệ phối giống lại (%)	<b>0</b>	<b>11,1</b>



Nhìn chung, lô VIUSID cho các chỉ tiêu về năng suất sinh sản và tăng trưởng tốt hơn lô Đối chứng, đặc biệt là lô VIUSID làm tăng trung bình gần 1 heo cai sữa/ổ so với lô Đối chứng, và không có trường hợp phối giống lại trên 27 nái sử dụng VIUSID (đã loại 2 nái > 7 lứa đẻ).

# KẾT QUẢ

## 3. Hiệu giá kháng thể kháng bệnh PRRS và Dịch tả heo trên heo sau cai sữa

- PRRS: sử dụng bộ kit ELISA “Hercheck\* PRRS X3 PRRSV Antibody test kit” của IDEXX để xét nghiệm.
- Dịch tả heo: sử dụng phương pháp NPLA của CSIRO, Úc.

## Tỉ lệ kháng thể dương tính với PRRS

Đợt xét nghiệm (*)	Số mẫu	Tỉ lệ kháng thể dương tính (S/P)	
		VIUSID	Đối chứng
1	20	70 %	60 %
2	20	90 %	35 %

(\*) Vì có các đợt cai sữa khác nhau

Ghi chú: vaccine PRRS được chủng cho heo con lúc 21 ngày tuổi và mẫu được thu thập vào lúc 50 ngày tuổi

## Tỉ lệ kháng thể dương tính với Dịch tả heo

Đợt xét nghiệm (*)	Số mẫu	Tỉ lệ kháng thể dương tính (S/P)	
		VIUSID	Đối chứng
1	20	40 %	5 %
2	20	10 %	10 %

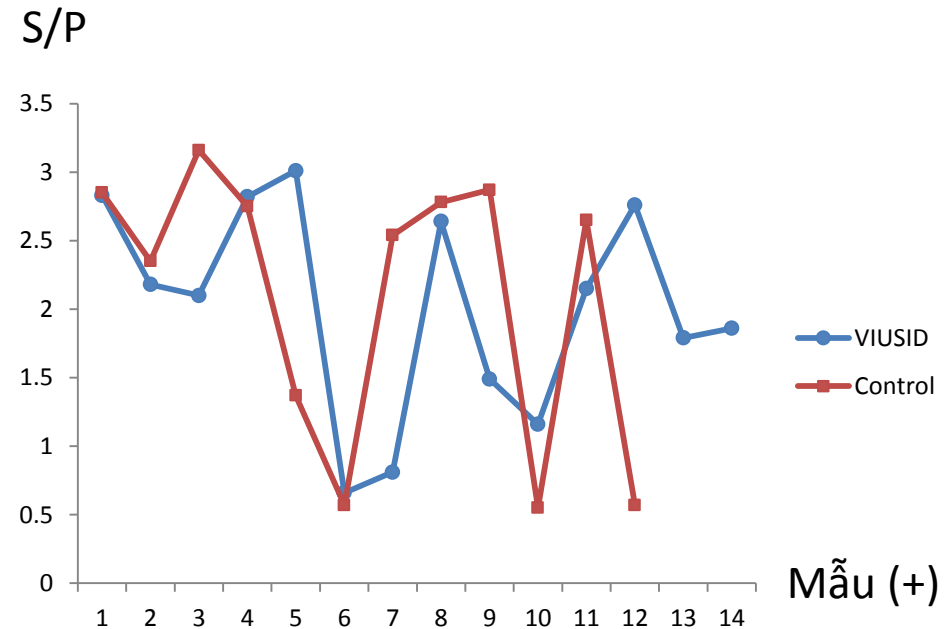
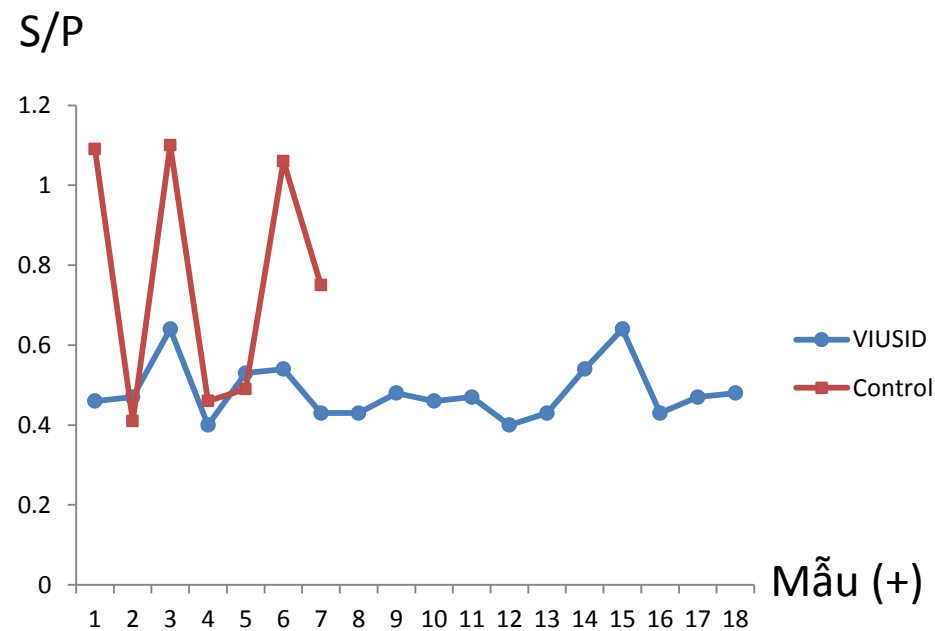
(\*) Vì có các đợt cai sữa khác nhau

Ghi chú: vaccine Dịch tả được chủng cho heo con lúc 35 ngày tuổi và mẫu được thu thập vào lúc 50 ngày tuổi



EcoImport

Nhìn chung, heo con của lô VIUSID cho tỉ lệ dương tính với đáp ứng kháng thể kháng bệnh PRRS và Dịch tả cao hơn lô Đối chứng, đặc biệt là mức độ biến động kháng thể S/P kháng bệnh PRRS của lô Đối chứng cao hơn lô VIUSID.



# KẾT QUẢ

## 4. Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế tính đến thời điểm cai sữa

Hạng mục	VIUSID	Đối chứng
Chi phí VIUSID/ nái/ ổ (đồng) (0,5 kg VIUSID/ nái)	950.000	-
Tổng thu (đồng) - Bán heo cai sữa/ ổ (1.200.000/ heo)	10,66 x 1.200.000 = 12.792.000	9,69 x 1.200.000 = 11.628.000
Lợi nhuận/ ổ đẻ (đồng)	12.792.000 – 750.000 = 12.042.000	11.628.000
Lợi nhuận chênh lệch giữa 2 lô sau khi khấu trừ tiền sử dụng VIUSID/ nái/ ổ (đồng)	12.042.000 – 11.628.000 <b>= 414.000</b>	-



# Hiệu quả kinh tế tính đến thời điểm chuyển thịt

Hạng mục	VIUSID	Đối chứng
Chi phí VIUSID/ nái/ ổ (đồng) (0,5 kg VIUSID/ nái)	750.000	-
Tổng chi phí VIUSID cho 29 ổ đẻ (đồng)	750.000 x 29 = 21,750,000	
Chi phí thức ăn heo con đến chuyển thịt:		
- Tổng trọng lượng heo chuyển thịt (kg)	6.496	6.060
- Tổng thức ăn sử dụng (kg)	6.496 x 1,6 = 10.394	6.060 x 1,72 = 10.423
- Chi phí thức ăn (đồng) (trung bình 14.000 đ/ kg thức ăn)	10.394 x 14.000 = 145.516.000	10.423 x 14.000 = 145.922.000
Tổng thu từ việc bán heo chuyển thịt (đồng)		
- Tổng trọng lượng chuyển thịt (kg) (95.000 đ/ kg trọng lượng heo)	6.496 x 95.000 = 617.120.000	6.060 x 95.000 = 575.700.000
Lợi nhuận (đồng)	617.120.000 – (21,750.000 +145.516.000) = 449,804.000	575.700.000 – 145.922.000 = 429.778.000
Lợi nhuận chênh lệch giữa 2 lô sau khi khấu trừ tiền sử dụng VIUSID (đồng)	444.054.000 – 429.778.000 <b>= 20,026.000</b>	

Những tính toán chi phí ở trên chưa bao gồm tiền chi phí thức ăn cho 3 heo nái của lô Đối chứng (trong 27 nái) trong vòng 21 ngày vì phải phối giống lại, và tiền 3 liều tinh heo phối giống lại.

Nhìn chung, bổ sung VIUSID cho nái từ lúc 85 ngày mang thai đến cai sữa không những làm tăng đáp ứng miễn dịch cho heo con sau chủng ngừa vaccine, mà còn đem lại hiệu quả kinh tế tốt hơn.

# KẾT LUẬN

Bổ sung VIUSID cho nái từ lúc 84-85 ngày mang thai đến cai sữa sẽ mang lại những kết quả sau:

- Cho năng suất sinh sản và tăng trưởng tốt hơn.
- Heo con sinh ra có ngoại hình tốt và đẹp hơn.
- Tăng đáp ứng miễn dịch sau chủng ngừa vaccine.
- Đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn sau khi khấu trừ tiền sử dụng VIUSID.

# Xử lý bệnh Sốt đở ở quảng trị

- Hộ chăn nuôi 100 lợn nái
- Bổ sung 4lit Viusid + 1kg Doxychem cho 1 tấn thức ăn cho toàn đàn.
- Đối với heo theo mẹ:
- Heo con: Dùng 10ml Viusid+ 5ml Flocol
- 1 tuần tuổi: Bơm trực tiếp vào miệng mỗi con 0,4ml hỗn dịch/lần, ngày 3 lần
- Heo 2 tuần tuổi: Bơm vào miệng mỗi con 0,6ml/ lần, ngày 3 lần
- Heo 3 tuần tuổi: Bơm vào miệng mỗi con 1,5ml/ lần, ngày 2 lần
- Kỹ thuật của trại báo lại: đàn đã ổn định và giảm thiệt hại. Cứu sống được 80% đầu lợn.

# Xử lý bệnh PED

- Trại heo 100 heo nái
- Đang nổ dịch tiêu chảy cấp (PED)
- Bổ sung 4lit Viusid + 0,5 kg Naticoli 40% cho 1 tấn thức ăn cho toàn đàn nái mang thai từ 85ngày đến khi cai sữa.
- Heo con: Dùng 10ml Viusid+ 5ml Zinaprim
- 1 tuần tuổi: Bơm trực tiếp vào miệng mỗi con 0,4ml hỗn dịch/lần, ngày 3 lần
- Heo 2 tuần tuổi: Bơm vào miệng mỗi con 0,6ml/ lần, ngày 3 lần
- Heo 3 tuần tuổi: Bơm vào miệng mỗi con 1,5ml/ lần, ngày 2 lần
  
- Kỹ thuật của trại báo lại: đàn đã ổn định và giảm thiệt hại. Cứu sống được 70% đầu lợn.

# Cách dùng VIUSID trên Gia cầm



## NÂNG CAO NĂNG SUẤT GIA CẦM:

- Liều: 1 ml VIUSID/ 1 lít nước uống.

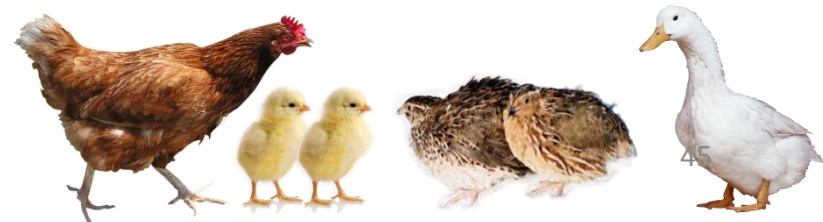
- Liều trình sử dụng:

+ Dùng úm: liên tục trong 21 ngày đầu (bắt đầu từ 1 ngày tuổi).

+ Dùng cho gà đẻ trứng: mỗi tháng 10 ngày.



**Những trường hợp dịch bệnh xảy ra**  
(Newcastle, cúm, IB, Gumboro...), dùng  
**VIUSID® VET** sẽ giảm tỉ lệ chết rất nhiều và  
giúp gia cầm hồi phục nhanh chóng với  
**liều gấp đôi: 2ml/1 lít nước uống,**  
dùng liên tục 7-10 ngày.  
Đối với bệnh ghép: Dùng kết hợp với  
kháng sinh và các thuốc hỗ trợ điều  
trị triệu chứng với liều khuyến cáo  
của NSX.





## **Gia cầm đẻ thương phẩm**

**Dùng VIUSID liên tục 30 ngày, cho mọi giai đoạn đẻ, liều 1 ml VIUSID/ 1 lít nước. Dùng 1 tháng nghỉ 2 tháng. Hoặc có thể dùng mỗi tháng 10 ngày**

**Tác dụng: Giúp vỏ trứng dày, bền, màu đẹp.**

**Khối lượng trứng đạt size 2,0 -2,1kg có thể tăng lên tới 40%**

**(Chú ý: trong 5-7 ngày đầu dùng thuốc có thể thấy tiêu chảy nhẹ, đây là phản ứng tự nhiên, không được dùng thuốc kháng sinh can thiệp)**

## **Gia cầm giống**

**Dùng VIUSID liên tục 10 ngày mỗi tháng**



# I. Bố trí thí nghiệm Hải Dương

- Quy mô trại: 20.000 gà (số gà trắng nuôi thịt là 12.750 con ). Tại Cẩm Đông, Cẩm Giàng, Hải Dương.
- Tổng số gà theo dõi: 6.590 con, trong đó có 3.213 con của ô thí nghiệm ( chuồng 1) và 3.377 con của ô đối chứng ( chuồng 2). Gà nuôi tại 2 ô chuồng cùng giống gà Phở Yên, vào cùng ngày 28/04/2016.
- Thời gian theo dõi : 45 ngày, kể từ khi gà 3 ngày tuổi đến xuất bán.

- **Kiểu chuồng nuôi: nuôi khép kín.**
- Nhiệt độ: 25-31°C
- Hệ thống máng ăn: thủ công, gà được cho ăn 2 lần/ ngày ( đảm bảo lượng thức ăn để gà ăn tự do).
- Hệ thống máng uống: núm uống tự động, gà được uống nước tự do

- Liều dùng Viusid: 1ml Viusid/ 1 lít nước.
- Liều trình cung cấp Viusid: bắt đầu từ khi gà 3 ngày tuổi ( ngày 01/05/2016) đến khi gà đạt 21 ngày tuổi.
- Liều dùng sản phẩm Vigorpol: 1ml Vigorpol/ 1 lít nước, dùng cho những ngày nắng nóng, thay đổi thời tiết.
- Liều dùng sản phẩm Aminovit: 1 ml/ 4 lít nước ( hoặc 2 kg cám). Liều trình dùng từ khi gà đạt 21 ngày tuổi đến xuất bán ( có thể sử dụng tỉ lệ 1 ml Aminovit : 1 kg cám vào giai đoạn sau 40 ngày tuổi).





Eco Import

# Hình ảnh gà 3 ngày tuổi





Eco Import

# Hình ảnh gà 30 ngày tuổi

Thí nghiệm

Đôi chứng







Eco Import

# Hình ảnh gà 45 ngày tuổi

**Thí nghiệm**

**Đối chứng**



# III. Kết quả tổng quan

Ngày/t háng	Thí nghiệm ( 3.213)				Đôi chứng ( 3.377)				
	Thức ăn (g)	Uống (lít nước)	Chết	Cân (g)	Thức ăn (g)	Uống (Lít nc)	Chết	Cân (g)	Trộn
06/05	31.38	280	2		34.13	Men	5		
07/05	39.25	320	1		45.56	4-way	5		
08/05	47.11	240	1	362	43.58		2	358	
09/05	62.83	180, Tylodox, Amox, Brom	1		62.74	Tylodox, Amox, Brom	5		
10/05	62.83	160,...			68.54	...	6		Genta- colis
11/05	62.87	160,...	2		75.37	...	Chuyển 1.060		Oxytetra
12/05	70.73	160, 80		494	60.37		4	464	...
13/05	70.78	180, 80,..	2		75.48	Tilmi, Gendox	1		....
Tổng			9				28		

# III. Kết quả tổng quan

Ngày/ tháng	Thí nghiệm( 3213)				Đôi chứng ( 3377)				
	Thức ăn(g)	Uống	Chết	Cân (g)	Thức ăn (g)	Uống	Chết	Cân (g)	Trộn
22/05	125.98	200			121.10		1		
23/05	141.73	200			143.89		2		
24/05	149.74	160, 220	3	1400	163.60		2	1260	
25/05	157.88	160, 230	5		163.70	Thuốc bỏ	2		
26/05	157.98	160, 250	2		171.60	4-way, Ampi	2		
27/05	150.22	160, 250	3		163.96	Ampi	3		
28/05	166.08	160, 230	1	1780	164.21	Ampi	5	1640	
29/05	166.14	160, 260	1		172.30		5		
Tổng			15				22		



# III. Kết quả tổng quan

Ngày/ tháng	Thí nghiệm				Đối chứng			
	Thức ăn (g)	Uống	Chết	Cân (g)	Thức ăn (g)	Uống	Chết	Cân (g)
30/05	166.56	160, 260	8		172.52		4	
31/05	158.98	320, 260	7		181.16	Para C	14	
01/06	167.25	320, 260	6	2.100	166.29	Thuốc bỏ	17	2.000
02/06	175.77	480, 260	10		190.78	Thuốc bỏ	12	
03/06	152.54	480, 260	15		175.55		12	
04/06	160.82	480, 250	5		183.94	4-way	7	
05/06	185.66	480, 280	12	2.350	176.39	4-way	8	2.300
06/06	169.68	640, 330	3		184.74	4-way	5	
Tổng			66				79	



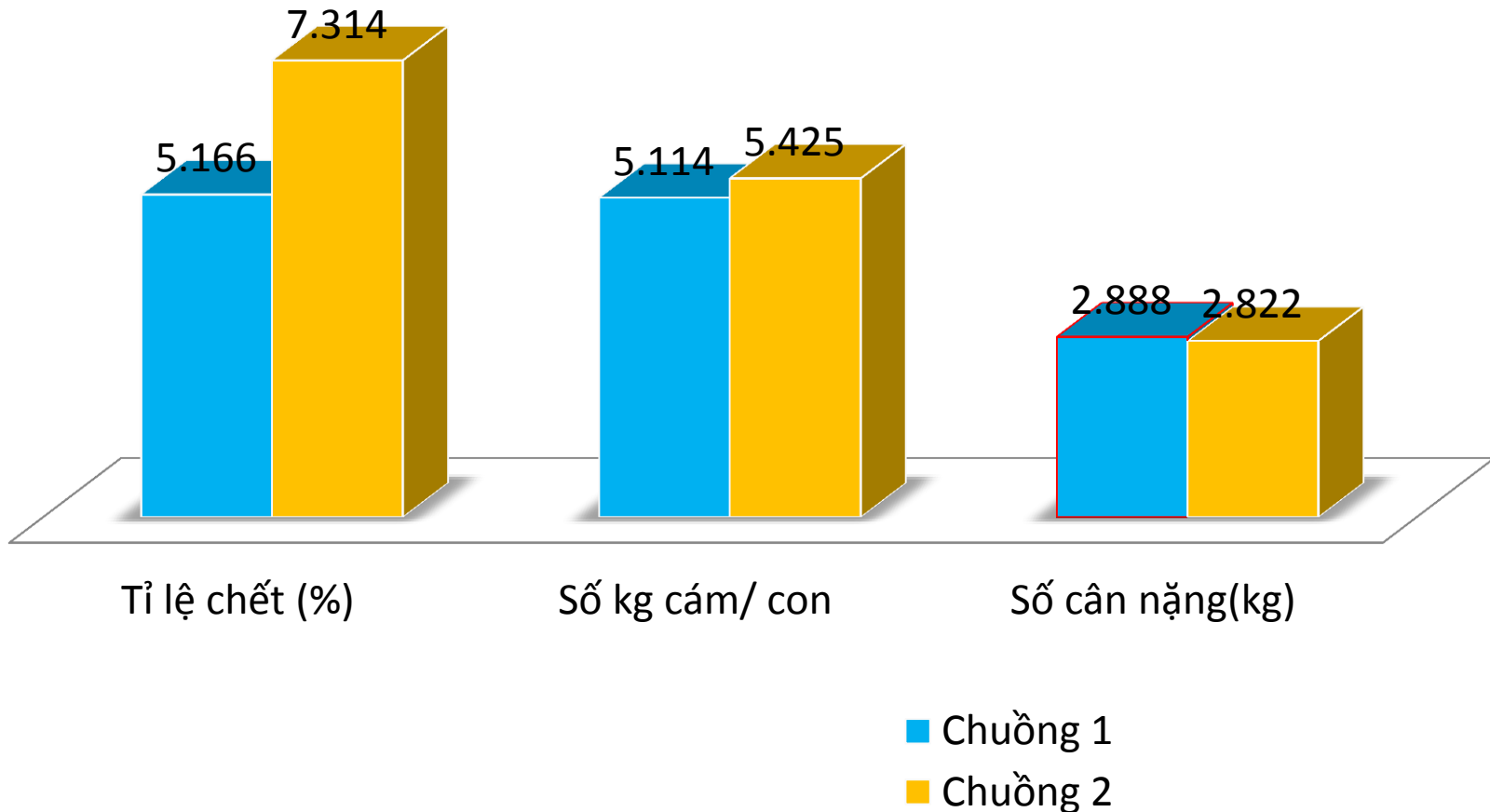
# IV. kết quả hiệu giá kháng thể

Lô	Hiệu giá kháng thể HI ( log 2).											
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	3	1			4		1	1				
2	2	2		2		1	2	1				

Hiệu giá kháng thể bảo hộ Newcastle  $\geq 3\log_2$  ( hoặc 1/8)

# V. Hiệu quả kinh tế

Biểu đồ so sánh một số chỉ tiêu giữa 2 lô



## V. Hiệu quả kinh tế

- Giảm chi phí dùng cám:

Chỉ tiêu	Thí nghiệm	Đối chứng
Số cám dùng (kg)	$610 \text{ bao} \times 25 = 15250$	$651 \text{ bao} \times 25 = 16275$
Số gà còn sống đến xuất (con)	2982	3000
Số kg cám/ con	$15250 \div 2982 = 5,114$	$16275 \div 3000 = 5,425$
Chi phí cám/con (đồng)	$5,114 \times 9200 = 47.048$	$5,425 \times 9200 = 49.910$

## V. Hiệu quả kinh tế

- Chi phí dùng thuốc, hiệu quả kinh tế

Chỉ tiêu	Thí nghiệm	Đối chứng
Chi phí tổng thuốc ( đồng)	10.900.000	7.126.000
Chi phí thuốc ( đồng)/ con	$10.900.000 \div 3213 = 3.392$	$7.126.000 \div 3.377 = 2.110$
Tổng chi phí thuốc và cám ( đồng)	$3.392 + 47.048 = 50.440$	$2.110 + 49.910 = 52.020$

- Số tiền lời chênh/ con:

$$52.020 - 50.440 = 1.580 \text{ ( đồng)}$$



## V. Hiệu quả kinh tế

- Số cân nặng gà chênh giữa 2 chuồng/ con :  
 $2,888 - 2,822 = 0,066$  ( kg)/ con.

→ Số tiền chênh về cân nặng/ con:

$$0,066 \times 30.000 = 1.980 \text{ (đồng)}.$$

→ Tổng tiền lời chênh/ con:

= chênh chi phí thuốc, cám + chênh cân nặng

$$= 1.580 + 1.980 = \mathbf{3.560} \text{ (đồng)/ con.}$$

→ Số tiền lời/ đàn chuồng 1:

$$\mathbf{3.560 \times 3213 = 11.438.280 \text{ (đồng)}}$$

## V. Hiệu quả kinh tế

- Những tính toán chi phí ở trên chưa bao gồm tiền chi phí thức ăn và thuốc cho 81 con gà chết chệnh giữa 2 chuồng, và tiết kiệm thời gian cho nhân công.

→ Khi sử dụng sản phẩm Viusid trong giai đoạn úm, kết hợp với sản phẩm cặp đôi hoàn hảo ở giai đoạn sau, không những làm tăng đáp ứng miễn dịch cho đàn gà, mà còn mang lại lợi nhuận tốt hơn cho người chăn nuôi.

# -THỬ NGHIỆM TRÊN GÀ:

-Trại gà Củ Chi (thuộc tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn): 160.000 gà Tam Hoàng

**THE EFFICACY OF VIUSID® VET ON YELLOW CHICKEN BROILERS IN VIETNAM**  
Nguyen Dinh Quat<sup>1</sup>, Dam Van Noi<sup>1</sup>, Esteban Santa Marta<sup>2</sup>,  
Bulent Kurttcu<sup>3</sup>, Eduardo Sanz Navares<sup>2</sup>  
<sup>1</sup> Nong Lam University Ho Chi Minh city, Vietnam  
<sup>2</sup> Catalysis S.L., Madrid, Spain  
E-mail: quat.nguyendinh@nctuaf.edu.vn, bulekt@catalysis.es, esteban@catalysis.es

**Introduction**  
Viusid®Vet is a nutritional preparation, composed of antioxidants, vitamins, trace elements and an active substance from liquorice root extract (glycyrrhizic acid) with potential antiviral properties. The molecular activation of its active substances stimulates their biological functions (antiviral and antioxidant effect), without modifying their molecular structure, which significantly builds up the organism's defences [1, 2, 3].

**Materials and methods**  
The trial was conducted at Cu Chi chicken farm belonging to Saigon Agriculture Incorporation and to be 3 groups.

Groups	n	Supplemented Viusid®Vet	Applied routine vaccination program for vaccination
1	3.000	No	Yes
2	2.000	Yes	Yes
3	200	Yes	No

Viusid®Vet was consecutively applied within first 21 days of chicks with a dosage of 1 ml/liter of drinking water. Evaluated parameters were viability, weight gain, feed conversion, mortality and antibody titre against Newcastle disease and avian influenza disease.

Groups	Aver. FCR	Mortality and culling (%)
1	2.03	3.1
2	1.92	2.5
3	1.99	3.5

**Results**  
The results in live weight gain showed that group 3 performed 8% better and weight gain (1.355g) better than group 2 (1.300g) and group 1 (1.275g).

Age (days)	Group 1	Group 2	Group 3
1	105 ± 9.3	105 ± 7.7	105 ± 4.8
2	220 ± 15.5	219 ± 14.1	250 ± 8.5
3	300 ± 24.7	360 ± 20.4	360 ± 15.4
4	340 ± 19.1	360 ± 45.1	470 ± 38.7
5	535 ± 100.3	840 ± 78.7	800 ± 60.8
6	1100 ± 112.4	1060 ± 103.4	1360 ± 94.5
7	1240 ± 136	1240 ± 104.4	1300 ± 96.4
8	1315 ± 130.5	1380 ± 111.6	1335 ± 96.8

**Conclusions**  
The Viusid®Vet is effective in improvement of broiler production performance and remarkably increasing immune response, and it will be much better when management is more improved.

Kết quả được đăng báo tại Hội nghị Thú Y Quốc Tế FAVA-2014 tại Singapore vào 28-30/11/2014

# Bố trí thí nghiệm

Lô thí nghiệm	n	Theo qui trình thuốc thường qui của trại (*)	Bổ sung VIUSID với liều 1 ml/ 1 lít nước, liên tục 21 ngày đầu tiên
1	3.000	Có	Không
2	2.800	Có	Có
3 (**)	200	Không	Có

(\*) Qui trình thuốc trong 21 ngày đầu:  
1-4 ngày tuổi: Vitamin C + Kháng sinh + Điện giải + Antigum  
5-6 ngày tuổi: thuốc giải độc gan thận  
10-11 ngày tuổi: men tiêu hóa vi sinh sống  
17-18 ngày tuổi: thuốc bổ

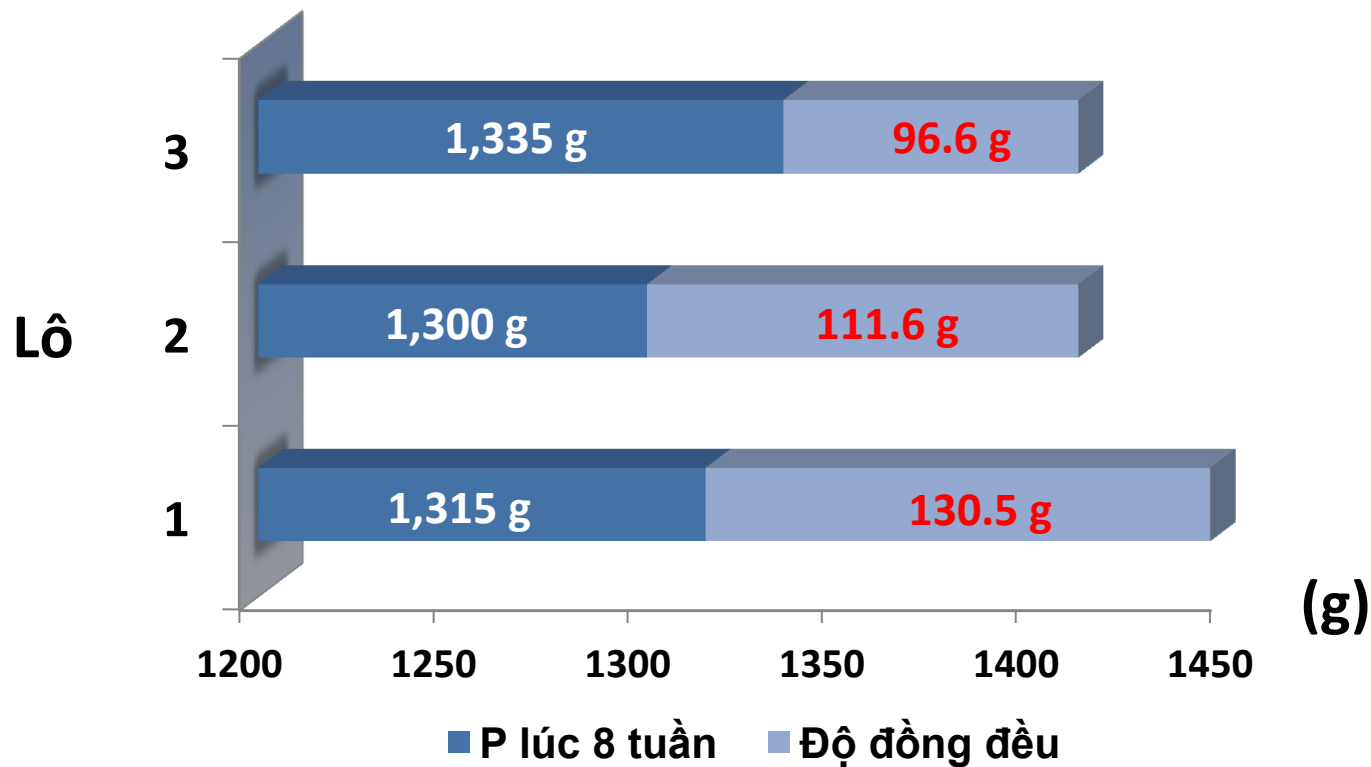
(\*\*) Vẫn sử dụng qui trình vaccine của trại:  
4 ngày tuổi : ND-IB  
15 ngày tuổi : ND-IB, cúm  
17 ngày tuổi : Gumboro

- Thời gian theo dõi: 60 ngày (xuất chuồng).
- Kiểu chuồng nuôi: lạnh.
- Nhiệt độ chuồng nuôi: 26-32°C.
- Hệ thống cho ăn: thủ công.
- Hệ thống uống: núm tự động.
- Liều VIUSID thử nghiệm: 1 lít VIUSID/ 1.000 lít nước uống.
- Liều trình dùng VIUSID: từ 1 - 21 ngày tuổi.

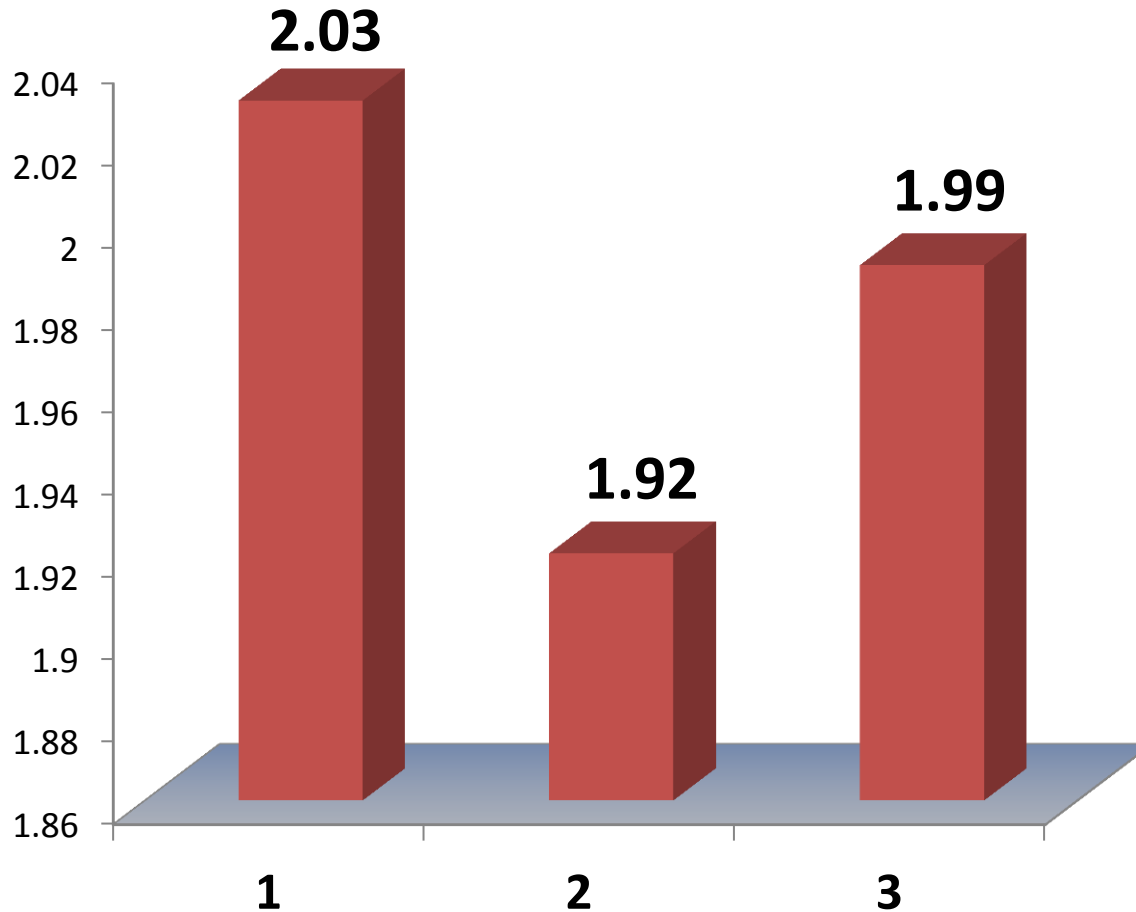


# KẾT QUẢ

## Trọng lượng lúc 8 tuần tuổi



# Hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR)



# Hiệu giá kháng thể kháng bệnh Dịch tả (Newcastle)

## Lúc 34 ngày tuổi

Lô	1/8	1/16	1/32	1/64	1/128	1/256	1/512	MG
1	4	7	3	4	2			26
2	4	6	6	2	2			24,2
3			3	2	2	1	2	104

## Lúc 55 ngày tuổi

Lô	1/4	1/8	1/16	1/32	1/64	1/128	1/256	MG
1		5	9	6				17,1
2	1	2	10	5	2			19,7
3			1	5	1	3		49

# Hiệu giá kháng thể kháng bệnh Cúm (H5)

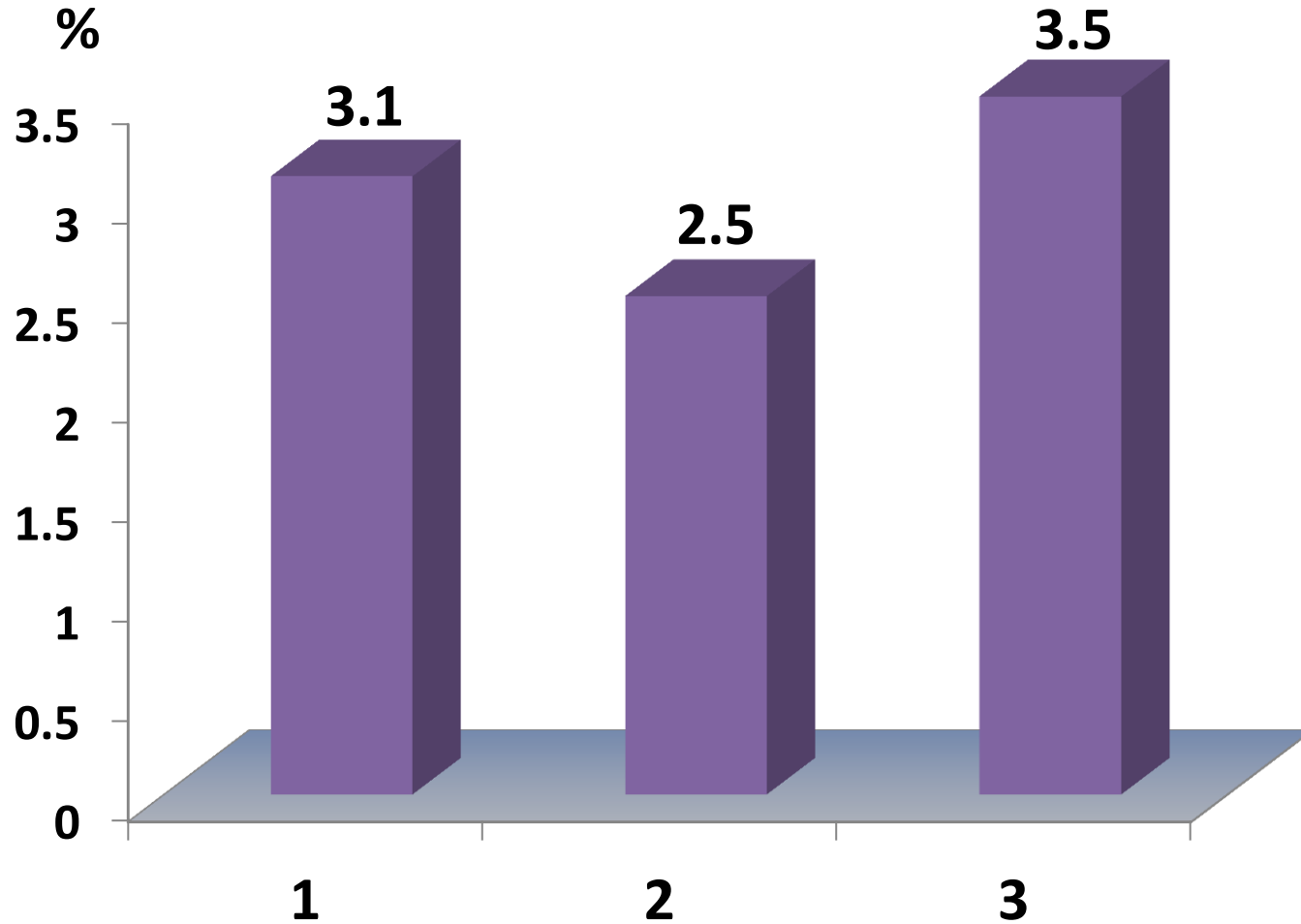
## Lúc 34 ngày tuổi

Lô	1/8	1/16	1/32	1/64	1/128	1/256	1/512	MG
1	2	4	7	7				32
2		8	6	5	1			32
3			2	4	2	2		84

## Lúc 55 ngày tuổi

Lô	1/4	1/8	1/16	1/32	1/64	1/128	1/256	MG
1		4	6	7	3			22,6
2		1	6	4	7	2		37
3			1	2	4	3		60

# Tỉ lệ chết và loại thải (%)





# Kết luận

- VIUSID có hiệu quả trong việc cải thiện năng suất tăng trưởng.
- VIUSID hỗ trợ trong việc tăng đáp ứng miễn dịch sau chủng ngừa vaccine phòng bệnh Newcastle và Cúm gia cầm.
- Nếu cải thiện trong khâu quản lý, sẽ giúp cho việc làm giảm tỉ lệ chết và loại thải, thì hiệu quả của VIUSID sẽ tốt hơn nhiều.

# KẾT QUẢ TRÊN GÀ ĐẺ TRỨNG THƯƠNG PHẨM VÀ GIỐNG

- 1. Khối lượng trứng tăng: 9,5%
- 2. Giảm tiêu tốn thức ăn
- 3. Giảm 1,6% tỷ lệ chết
- 4. Tăng độ dày vỏ trứng: 9,8%
- 5. Khối lượng con mới nở: tăng 1%
- Đặc biệt giúp:
  - - Tăng lượng trứng đạt size(>2,0Kg) lên 40%
  - - Tăng tỷ lệ sống phôi lên 10%

# Thử nghiệm gà thịt ở Indonesia

## Broilers (Indonesia)

Over 4 kg Live Weight in 10 weeks:

With VIUSID

Without VIUSID



# Thử nghiệm gà đẻ nhiễm bệnh Marek ở Bangladesh

- ▶ Flock with Marek (Bangladesh)
- ▶ Reduces mortality, recovers productivity,
- ▶ More resistant shells, less cracked eggs





# VIUSID<sup>®</sup>vet

## DOSAGE

1 litre of **VIUSID<sup>®</sup>vet Liquid** per 1000 litres of drinking water or 1 kilo of **VIUSID<sup>®</sup>vet Powder** per ton of feed.

## 5 reasons to use VIUSID<sup>®</sup>vet in broilers

1

Increases daily weight gain  
**15.5%**

2

Reduces morbidity

3

Better feed conversion  
**10%**

4

Increases final weight  
**15.5%**

5

Reduces mortality  
**27%**

Birds remain healthy throughout the whole production process

Reduces slaughter age



Improves meat quality

# NHỮNG THỰC NGHIỆM SAU ĐÓ TRÊN THỰC ĐỊA Ở CÁC VÙNG ĐỊA LÝ KHÁC NHAU

- Bình Dương, Bình Phước
- Long An, Tiền Giang
- Bến Tre
- Miền Bắc



# Long An, Tiền Giang

- Các trại gà sử dụng VIUSID từ 1 – 21 ngày tuổi ở ĐL Thanh An, Long An rất ít có báo cáo bệnh (ĐT: 0917.602.121)

Trại 2.000 gà thả vườn

+ sử dụng VIUSID 1-21 ngày đầu

+ Đến xuất bán không bệnh.

+ Trọng lượng xuất: > 1,6 kg/con (Lái mua gà đánh giá gà khoảng 1,4 kg)

# Bình Dương, Bình Phước

- Trại 2.000 gà thả vườn
  - + Nổ dịch bệnh Gumboro, chết khoảng 10%
  - + Dùng VIUSID 1 ngày: hết chết
  - + Sau ngày thứ 2, gà phục hồi ăn uống bình thường.

Trại 10.000 gà thả vườn

- + Đàn 3.000 bị bệnh
- + Mỗi ngày chết 40-60 con liên tục 7 ngày.
- + Xét nghiệm: bệnh Dịch tả và IB
- + Dùng vaccine Dịch tả sống: 2 liều/gà và VIUSID: 3 ngày, hết chết.

# Long An, Tiền Giang

- Trại 10.000 gà ri
  - + Dùng VIUSID từ ngày 1-21
  - + Xuất chuồng không bệnh
  - + 28 ngày nuôi xuất bán được gà trống (thông thường 38-40 ngày mới xuất).
  - + Gà mái giữ lại nuôi đẻ, đến giờ không bệnh và tăng trọng tốt.

# Long An, Tiền Giang

- Trại 3.000 gà thả vườn
  - + Xuất bán còn lại khoảng 200 gà dạt
  - + Chuẩn bị cho trần ăn
  - + Dùng VIUSID 1 tuần, xuất bán được hết.

Nhiều trại gà ri bị bệnh

- + Sưng thận, tiêu chảy lỏng, tỉ lệ chết cao khoảng 40-50%.
- + Dùng VIUSID 5-6 ngày, giảm chết xuống còn 5-10%.

# Long An, Tiền Giang

- Trại 10.000 gà ri
  - + Đàn 5.000 gà lớn bị bệnh sừng thận, tiêu chảy lỏng, tỉ lệ chết khoảng 40% → dùng VIUSID 4 ngày, hết chết.
  - + Đàn 5.000 gà nhỏ không bị bệnh: cho uống VIUSID phòng 7 ngày.
  - + Khoảng 2 tuần sau: đàn gà nhỏ bị bệnh sừng thận, tiêu chảy lỏng, bắt đầu có chết → Dùng VIUSID 2 ngày, hết chết.

# Long An, Tiền Giang

- Trại có 3.000 gà đang đẻ (40 tuần tuổi) và 3.000 gà hậu bị (6 tuần tuổi)
  - + Mỗi ngày gà đẻ chết 3-5 con, tỉ lệ đẻ sụt còn 35%, gà hậu bị chết khoảng 30%.
  - + Gà rù, sốt, tiêu chảy phân trắng xanh.
  - + Xét nghiệm: dương tính với Cúm
  - + Dùng VIUSID 3 ngày: gà đẻ hết chết và 4 ngày gà hậu bị hết chết.



# Bắc Ninh

- Trại 16,000 gà bố mẹ

+ Bị IB, ghép Newcastle: Ngày chết 50 con. Tỷ lệ trứng còn 35%

Dùng vaccine Maclon45 nhỏ liều gấp đôi, sau đó cho uống Viusid + Vigopol theo liều (2ml Viusid+1ml Vigopol cho 1 lít nước uống) uống liên tục trong 5 ngày.

Ngày đầu: chết 7 con, ngày 2 chết 2 con.

Trứng đến ngày thứ 10 phục hồi về 68%.

# Bắc Ninh

- Trại gà đẻ: 1.500 gà
- Mỗi ngày chết khoảng 30 – 40 con, liên tục trong 4 ngày.
- Cán bộ kỹ thuật mổ khám chẩn đoán: bệnh Marek.
- Sử dụng VIUSID với liều: 2 ml/ lít nước, tỉ lệ chết giảm dần sau 3 ngày sử dụng xuống còn 1 – 2 gà.

# Bắc Ninh, Vĩnh Phúc

- Gà đẻ bị Newcastle, trứng rất mỏng. Tỷ lệ chết đang là 60/2000 con/ ngày.
- Đưa Viusid liều 2ml/1 lít nước và cho uống vaccine New liều gấp đôi. Sau 3 ngày hết chết.
- Không có hiện tượng “Trứng cú”, trứng vỏ vẫn đẹp và tỷ lệ đẻ tăng trở lại nhanh, đạt mức bình thường sau 10 ngày

# **KHUYẾN CÁO trên GÀ THỊT**

## **NGẮN NGÀY**

- 1 – 21 ngày tuổi: sử dụng VIUSID
- Từ ngày thứ 30 đến xuất chuồng sử dụng cặp đôi hoàn hảo theo 2 cách:
  - Dùng liên tục với liều: 1 ml AMINOVIT + 2 ml VIGORPOL pha trong 4 - 5 lít nước.
  - Dùng 3 ngày, nghỉ 4 ngày với liều: 1 ml AMINOVIT + 2 ml VIGORPOL pha trong 2 lít nước.
- Trước xuất chuồng 1 ngày, dùng cặp đôi hoàn hảo đến khi xuất bán hết gà.
- Phun xịt thuốc sát trùng định kỳ: 1 lần/tuần.
- Khi dịch bệnh xảy ra: dùng VIUSID liều gấp đôi, xịt thuốc sát trùng 1 lần/1-2 ngày.

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC THÚ Y ECO**  
**ĐC: Số 17 phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội**



**XIN CHÂN THÀNH CÁM  
ƠN!**